

BÁO CÁO

**Tình hình kinh tế - xã hội tháng 10
và một số công tác trọng tâm tháng 11/2021
(Từ ngày 15/9/2021 đến ngày 14/10/2021)**

Trong tháng, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt công tác phòng, chống dịch Covid-19; các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân chung sức, đồng lòng vượt qua khó khăn; tình hình dịch bệnh Covid-19 cơ bản được kiểm soát, tinh thần trọng nể lòng giản cách xã hội và cho phép một số cơ sở, doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, vừa phòng, chống dịch vừa từng bước khôi phục lại sản xuất đảm bảo an toàn, bảo vệ thành quả phòng chống dịch. Tuy nhiên, từ ngày 18/10 đến nay tình hình dịch bệnh có xu hướng phức tạp trở lại, số ca mắc mới tăng, trong đó có nhiều ca trong cộng đồng chưa rõ nguồn lây. Mặc dù, còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng đạt được kết quả quan trọng: thu ngân sách đạt theo tiến độ dự toán; thương mại điện tử phát triển khá; hàng hóa lưu thông thông suốt, giá cả tương đối ổn định; triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; tiêm vắc-xin phòng Covid-19 được quan tâm triển khai đẩy nhanh tiến độ; tình hình sản xuất nông nghiệp tương đối thuận lợi, giá một số nông sản tăng nhẹ; tỷ lệ hộ sử dụng điện, hộ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh vượt chỉ tiêu kế hoạch; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội được tập trung triệt phá, ngăn chặn và đẩy lùi kịp thời.

I. HOẠT ĐỘNG CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH THÁNG 10 NĂM 2021

1. Các cuộc họp, làm việc của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

Tháng 10/2021, ngoài chỉ đạo điều hành xử lý các công việc thường xuyên theo kế hoạch và chương trình công tác Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì và tham dự 91 cuộc họp, hội nghị; 6 cuộc tiếp và làm việc với Bộ, ngành Trung ương, doanh nghiệp; 35 cuộc kiểm tra, khảo sát thực tế địa phương. Đồng thời, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tập trung chỉ đạo một số vấn đề quan trọng như:

Chỉ đạo phổ biến, triển khai thực hiện các nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ như: Nghị định số 83/2021/NĐ-CP ngày 13/9/2021 của Chính phủ về biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính

phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2021 - 2022; Nghị định số 88/2021/NĐ-CP ngày 01/10/2021 của Chính phủ về Nghị định quy định về thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, đấu giá, cấp phép, chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần; Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 11/9/2021 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8; Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid 19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp; Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27/9/2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030; Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19"; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 10/8/2021 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Nghị quyết số 127/NQ-CP ngày 10/8/2021 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2021 trực tuyến toàn quốc với địa phương về tình hình kinh tế xã hội tháng 9 và 9 tháng; Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 13/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1507/QĐ-TTg ngày 13/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định thực thi các quy định Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển ngày 10/12/1982 về bảo tồn và quản lý đàn cá lưỡng cư và di cư xa đến năm 2025; Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 24/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về thay đổi thành viên Ủy ban quốc gia về Trẻ em; Quyết định số 1618/QĐ-TTg ngày 24/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo điều hành giá; Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 24/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về kiện toàn và đổi tên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử; Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021-2025"; Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội và Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW; Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050"; Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao năng lực về phòng vệ thương mại trong bối cảnh tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới"; Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 25/2021/QH15 về chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-202; Quyết định số

31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Công Dịch vụ công quốc gia; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 21/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy sản xuất, lưu thông, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản trong bối cảnh phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

2. Ban hành các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

Trong tháng 10, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 11 kế hoạch; 270 Quyết định cá biệt và 1700 văn bản hành chính khác. Ngoài ra, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 17 thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại các cuộc họp, hội nghị với các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tập trung kiểm soát, đẩy lùi dịch bệnh Covid-19

- Chuẩn bị chu đáo, sẵn sàng các khu cách ly tập trung và các điều kiện vật chất, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong việc tổ chức hỗ trợ ăn uống, sinh hoạt, chăm sóc sức khỏe cho người dân Trà Vinh trở về từ vùng dịch, từ ngày 01/10/2021 đến ngày 20/10/2021, tỉnh đã tiếp nhận 19.881 trường hợp người từ các tỉnh, thành về địa phương (trong đó có 18 sản phụ và 09 thân nhân), ghi nhận 424 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2. Tiếp nhận và bàn giao 24 tro cốt của người dân tử vong do dịch bệnh Covid-19 tại TP Hồ Chí Minh. Triển khai nền tảng Khai báo y tế và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR Code; triển khai phương án tạm thời phối hợp tổ chức, vận hành, quản lý Hệ thống Tổng đài hỗ trợ phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh.

- Xét nghiệm sàng lọc F0 trong cộng đồng (từ ngày 18/8 đến ngày 12/10/2021): thực hiện test nhanh cho 941.292 người; có 258 trường hợp phải lấy mẫu đơn xét nghiệm khẳng định lại bằng RT - PCR, kết quả có 70 trường hợp dương tính trong cộng đồng.

- Thực hiện Chiến dịch tiêm chủng vắc-xin phòng Covid-19 giai đoạn 2021 - 2022: tổng số đã tiêm/tổng số vắc xin được Bộ Y tế cấp (từ ngày 27/4 đến ngày 12/10/2021) là 209.511 trường hợp/203.480 liều, đạt 102,8%; 9.162 trường hợp hoãn tiêm, 1.489 trường hợp chống chỉ định và 34 trường hợp không đồng ý tiêm. Đến 20/10/2021, tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên được tiêm ít nhất 01 mũi đạt 46,9%.

- Đến ngày 18/10/2021: tỉnh đã thiết lập 110 vùng cách ly y tế⁽¹⁾, thành lập 07 bệnh viện dã chiến, quy mô 1.100 giường để thực hiện thu dung, sàng lọc, cách ly, điều trị các trường hợp mắc bệnh Covid-19; trung dụng 217 trường học⁽²⁾ làm khu cách ly y tế; tổng số trường hợp thực hiện cách ly trên

¹ Đã gỡ phong tỏa 104 vùng

² Gồm: 57 trường Mầm non; 103 trường Tiểu học; 44 trường THCS; 13 trường THPT/GDTX.

toàn tỉnh 58.591 trường hợp⁽³⁾; ghi nhận 1.902 ca nhiễm SARS-CoV-2⁽⁴⁾, đã điều trị khỏi cho 1.514 ca; có 21 ca tử vong; đang thực hiện cách ly và điều trị cho 374 người nhiễm SARS-CoV-2.

- Tập trung hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, đến ngày 17 tháng 10 năm 2021 cấp phát cho 225.566 người, kinh phí hơn 345,58 tỷ đồng, đạt 98,4% so với tổng số đối tượng được phê duyệt, trong đó:

(1) *Chính sách giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp*: có 810 đơn vị với 22.905 lao động được giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp với tổng số tiền 2.501.742.099 đồng.

(2) *Chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất*: đã duyệt và chi 06 đơn vị⁽⁵⁾, tổng số lao động được hỗ trợ là 736 người với tổng số tiền 4.566.280.686 đồng.

(3) *Chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương*: đến nay đã chi cho 2.119 đối tượng với kinh phí 7.598.600.000 đồng, đạt 71,9%.

(4) *Chính sách hỗ trợ người lao động ngừng việc*: đã chi cho 19.627 đối tượng với số tiền 26.547.000.000 đồng, đạt 99,6%.

(5) *Chính sách chấm dứt hợp đồng không đủ điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp*: đã chi cho 05 lao động với số tiền 20.550.000 đồng, đạt 100%..

(6) *Chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị Covid-19, cách ly y tế (F0 và F1)*: đã chi hỗ trợ cho 2.969 người với số tiền 5.016.249.000 đồng.

(7) *Chính sách hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật; chính sách hỗ trợ hướng dẫn viên du lịch*: đã chi hỗ trợ cho 29 người viên chức hoạt động nghệ thuật và 12 người hướng dẫn viên du lịch với số tiền 152.110.000 đồng, đạt 100%.

(8) *Chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh*: đã chi cho 3.362 hộ với kinh phí 10.086.000.000 đồng, đạt 96,4%.

(9) *Chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất*: Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã

³ Trong đó cách ly tại cơ sở y tế 1.981 trường hợp, cách ly tập trung 29.774 trường hợp và cách ly tại nhà, nơi cư trú 26.836 trường hợp; đã hoàn thành: cách ly tại cơ sở y tế 1.582 trường hợp, cách ly tập trung 17.071 trường hợp và cách ly y tế tại nhà, nơi cư trú 25.857 trường hợp. Hiện tại, toàn tỉnh cách ly tại cơ sở y tế 378 trường hợp, cách ly tập trung 12.703 trường hợp và cách ly tại nhà, nơi cư trú 979 trường hợp.

⁴ Trong đó: 36 ca nhập cảnh, 15 ca ngoài tỉnh và 1.851 ca tại các huyện trong tỉnh.

⁵ Gồm: Trường mầm non - Tiểu học Việt Anh Trà Vinh, Công ty cổ phần cắt may SOFA Hoa Sen, Công ty lương thực Trà Vinh, CTy TNHH Giày Da Mỹ Phong - Tiểu Cần - Trà Vinh; CTy TNHH Giày Da Mỹ Phong - Trà Cú - Trà Vinh; Cty TNHH Giày Da Mỹ Phong - PX Phước Hưng - Trà Cú - Trà Vinh.

giải ngân cho 05 khách hàng⁽⁶⁾ vay vốn với tổng số tiền 848.112.000 đồng cho 292 lao động.

(10) Chính sách đối với lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác: đã chi hỗ trợ 197.443 đối tượng với kinh phí 296.164.500.000 đồng, đạt 99,4%.

- Thực hiện việc hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 và Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ: đến ngày 13/10/2021, đã duyệt 1.959 cho lao động với số tiền 4,1 tỷ đồng; đã chi trả cho 1.838 lao động với số tiền 3,8 tỷ đồng (đạt 92,7%).

- Vận động Quỹ phòng, chống dịch Covid-19: đến 18/10/2021, đã tiếp nhận đóng góp của 863 tập thể và cá nhân, với tổng số tiền và hiện vật trên 60,1 tỷ đồng⁽⁷⁾; đã phân bổ trên 19,5 tỷ đồng (hiện vật được phân bổ ngay khi tiếp nhận) cho Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh cấp huyện, các đơn vị, khu cách ly, chốt kiểm soát và lực lượng tuyến đầu...

- Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, nhắc nhở và xử phạt nghiêm minh các trường hợp vi phạm về phòng, chống dịch theo quy định, đến ngày 15/10/2021, đã xử phạt vi phạm hành chính 2.560 trường hợp với tổng số tiền 7,95 tỷ đồng.

2. Tài chính - ngân hàng

Thu ngân sách 494,4 tỷ đồng, bằng 84% so với tháng trước và bằng 40% so với trung bình các tháng, lũy kế 10 tháng thu 12.421 tỷ đồng, đạt 88,5% dự toán, giảm 1,3% so với cùng kỳ⁽⁸⁾ (trong đó thu nội địa 3.923,8 tỷ đồng, đạt 78,5% dự toán, cao hơn cùng kỳ 0,4%), một số khoản thu đạt khá so với dự toán như: thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt gần 107% dự toán (gấp đôi cùng kỳ), thu khác ngân sách đạt 148% dự toán, thu XSKT đạt 86,3% (1.138 tỷ đồng/dự toán 1.319 tỷ đồng), thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, các loại phí - lệ phí đạt 80% dự toán.... Thu ngân sách trong tháng tuy đạt thấp nhưng số thu 10 tháng đạt tiến độ dự toán do phát sinh tăng số nộp thuế VAT của Công ty Nhiệt điện Duyên Hải, thuế nhà đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 2 (Cty Janakuasa), phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng vốn của Công ty TNHH Giày da Mỹ Phong... Các khoản chi ngân sách tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ, hợp lý, tiết kiệm, trong tháng chi 1.417,6 tỷ đồng, lũy kế 10 tháng chi 8.072,6 tỷ đồng, đạt 65,6% dự toán, tăng 6,1% so với cùng kỳ.

⁶ Gồm: Công ty Cổ phần Du lịch Trà Vinh, Công ty May Hồng Việt Trà Vinh, Cty CP Mỹ Lan, Cty CP Rynan Smart, Cty CP Rynan Technologies.

⁷ Trong đó: 810 tập thể, cá nhân đóng góp tiền 37.826.155.435đ; 53 tập thể, cá nhân đóng góp hiện vật tổng trị giá 22.335.000.000đ.

⁸ Nếu loại trừ thu chuyển nguồn, số dư tạm ứng, kinh phí cải cách tiền lương (3.851,399 tỷ đồng) thì tổng thu 10 tháng đạt 8.569,615 tỷ đồng, đạt 84,2% dự toán, giảm 3,4% so với cùng kỳ.

Trong tháng, các tổ chức tín dụng miễn giảm lãi suất (0,5-1,5% so với lãi suất đang áp dụng) cho 650 khách hàng có khoản vay hiện hữu, nâng tổng số 10 tháng đã giảm lãi suất cho 77.100 khách hàng, với tổng dư nợ khoảng 15.100 tỷ đồng, đồng thời có nhiều ưu đãi đối với các khoản vay mới⁽⁹⁾; thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi suất và giữ nguyên nhóm nợ cho 202 khách hàng, lũy kế đến nay 591 khách hàng với dư nợ 128,18 tỷ đồng. Tình hình lãi suất huy động ổn định, ước đến cuối tháng 10/2021 tổng vốn hoạt động của các tổ chức tín dụng đạt 39.250 tỷ đồng, tăng 7,42% so với cuối năm 2020; tổng dư nợ cho vay 31.370 tỷ đồng⁽¹⁰⁾, tăng 7,51% so với cuối năm 2020, nợ xấu chiếm 1,08%. Tổng dư nợ cho vay các chương trình tín dụng chính sách tại chi nhánh NHCSXH tỉnh đến tháng 10 đạt 3.025 tỷ đồng, tăng 7,1% so với năm 2020.

3. Về tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực

3.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Nông nghiệp:

* *Cây lúa*: diện tích gieo trồng 20.599 ha; đầu năm đến nay gieo trồng 208.981 ha, đạt 107,5% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 7.572ha, thu hoạch 64% tổng diện tích xuống giống, năng suất trung bình 5,7 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 0,75 tấn/ha, sản lượng cao hơn 187.227 tấn).

* *Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác*: gieo trồng 2.653 ha, nâng tổng số đến nay gieo trồng 46.711 ha⁽¹¹⁾ (đạt 90,4% kế hoạch); thu hoạch 38.451ha, năng suất 23,97 tấn/ha (thấp hơn cùng kỳ 0,12 tấn/ha), sản lượng trên 921.711 tấn (thấp hơn so cùng kỳ 73.142 tấn). Nguyên nhân do vụ mía đường giảm mạnh cả về diện tích, năng suất và sản lượng làm ảnh hưởng chung đến diện tích, năng suất, sản lượng rau màu và cây ngắn ngày khác của toàn tỉnh⁽¹²⁾. Tiếp tục tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu đầu đen hại dừa⁽¹³⁾.

* *Chăn nuôi*: tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi còn diễn biến phức tạp, đã thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh Viêm da nổi cục trên đàn trâu, bò và bệnh dịch tả heo châu Phi trên địa bàn tỉnh⁽¹⁴⁾. Trong tháng, bệnh Viêm da nổi cục tiếp tục phát sinh thêm tại 1.396 hộ⁽¹⁵⁾, đến ngày 17/10/2021 dịch bệnh đã lây lan sang địa bàn 246 ấp, khóm của 57/106 xã,

⁹ Một số TCTD đưa ra chương trình/gói tín dụng ưu đãi về lãi suất đã cho 1.390 khách hàng vay với dư nợ gần 315 tỷ đồng, mức lãi suất cho vay ngắn hạn từ 4,5-7% (thấp hơn từ 2-3,5%/năm so với mức cho vay ngắn hạn thông thường); BIDV Trà Vinh đang triển khai chương trình tín dụng hỗ trợ an sinh xã hội dành cho cán bộ y tế với lãi suất ưu đãi (gói cho vay nhu cầu đời sống lãi suất cố định 1%/năm, gói cho vay nhu cầu nhà ở lãi suất cố định 5,5%/năm), đến nay đã cho vay 633 khách hàng với doanh số cho vay 32,8 tỷ đồng.

¹⁰ Trong đó: cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt 17.950 tỷ đồng, chiếm 57,22%/tổng dư nợ; cho vay xuất khẩu đạt 400 tỷ đồng; cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt 3.400 tỷ đồng; cho vay chăn nuôi heo đạt 228,39 tỷ đồng...

¹¹ Trong đó: màu lương thực 5.516ha, màu thực phẩm 28.638ha, cây CN ngắn ngày và cây hàng năm khác 12.557ha.

¹² Diện tích trồng mía chỉ bằng 80% và sản lượng bằng 73% cùng kỳ.

¹³ Tổ chức cấp thuốc lần 2 phòng trừ sâu đầu đen hại dừa tại xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần, diện tích 2,7 ha; phun xịt 03 đợt với 17,1 lít thuốc diệt sâu sinh học; tổ chức điều tra sâu đầu đen tại một số xã của huyện Càng Long, Cầu Kè, Châu Thành, Trà Cú (chưa phát hiện sâu đầu đen tại các địa phương này).

¹⁴ Ban hành Quy chế hoạt động và phân công cụ thể nhiệm vụ từng thành viên Ban Chỉ đạo nắm chắc tình hình và trực tiếp chỉ đạo công tác phòng, chống dịch bệnh từng địa bàn.

¹⁵ Số bò có biểu hiện mắc bệnh 2.458 con/tổng đàn 7.414 con.

phường, thị trấn thuộc 7/9 huyện, thị xã, thành phố⁽¹⁶⁾. Đối với dịch tả heo châu Phi, từ ngày 29/9/2021 đến nay đã xảy ra tại 19 hộ, 14 ấp của 10 xã, của 04 huyện⁽¹⁷⁾. Do ảnh hưởng dịch bệnh, giá cả đàn bò, đàn heo có xu hướng giảm⁽¹⁸⁾, người nuôi không có lợi nhuận. Công tác tiêm phòng còn chậm do phải thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19⁽¹⁹⁾.

* *Phòng, chống thiên tai*: tổ chức trực ban phòng chống thiên tai, theo dõi chặt chẽ tình hình các tuyến đê, kè, khu vực xung yếu; phát hiện và xử lý 07 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê. Xảy ra giông lốc (từ ngày 11 - 14/10/2021) làm sập hoàn toàn 03 căn nhà dân trên địa bàn các huyện Trà Cú và Duyên Hải, ước tính thiệt hại khoảng 130 triệu đồng, chính quyền địa phương đã kịp thời thăm hỏi, động viên, huy động lực lượng hỗ trợ nhân dân khắc phục thiệt hại.

* *Xây dựng nông thôn mới*: tổ chức lồng ghép 2.124 cuộc tuyên truyền cho 37.820 lượt người về xây dựng nông thôn mới; đến nay có 73 xã đạt 19/19 tiêu chí, 07 xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên, 05 xã đạt từ 10-14 tiêu chí, 92,1% hộ và 93,6% ấp đạt chuẩn nông thôn mới; huyện Châu Thành đạt 09/09 tiêu chí huyện nông thôn mới (đang hoàn chỉnh hồ sơ làm việc với Đoàn thẩm định liên ngành Văn phòng điều phối nông thôn mới Trung ương).

* *Chương trình OCOP*: khảo sát, xem xét công nhận Làng nghề sản xuất bánh tráng ấp Bến Có, xã Nguyệt Hóa (Châu Thành); tổng hợp danh mục sản phẩm OCOP năm 2021 các địa phương; tiếp tục khảo sát, đánh giá hỗ trợ các cửa hàng OCOP; hoàn thành việc đăng ký mô hình thí điểm sản phẩm OCOP về dịch vụ du lịch cộng đồng giai đoạn 2021 - 2025 theo chỉ đạo của Trung ương.

b) Lâm nghiệp:

Triển khai trồng rừng thay thế tại khu vực Cồn Hô, xã Đức Mỹ (Càng Long), diện tích 3,08 ha; phối hợp trồng 4,5 ha rừng tập trung; tổ chức 69 lượt tuần tra bảo vệ rừng phát hiện và xử lý 01 trường hợp vi phạm. Đến nay trồng 48 ha rừng tập trung, đạt 76,19% kế hoạch; chăm sóc 282,714 ha rừng, đạt 91,2% kế hoạch; khoán bảo vệ rừng 5.143 ha, vượt 56,3% kế hoạch, tổ chức 16 cuộc tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy rừng và các văn bản liên quan Luật Lâm nghiệp.

c) Thủy sản:

¹⁶ Địa bàn huyện Càng Long, huyện Tiểu Cần chưa phát sinh dịch bệnh. Đến ngày 17/10/2021, tổng số bò có biểu hiện mắc bệnh là 3.034 con/tổng đàn 9.440 con; đã tiêu hủy 410 con, với tổng trọng lượng tiêu hủy 79.023,9 kg; đã cấp 150 ngàn liều vắc-xin phòng bệnh Viêm da nổi cục để các địa phương tiêm phòng khẩn cấp và 13.766 lít hóa chất tiêu độc khử trùng, kết quả đã tiêm phòng được 147.493 con bò, sử dụng 10.333 lít thuốc sát trùng phun xịt cho 225.177 hộ chăn nuôi.

¹⁷ Gồm các huyện Cầu Kè, Cầu Ngang, Duyên Hải và Càng Long; với tổng đàn 487 con, nghi mắc bệnh 221 con, chết 52 con; tiêu hủy 430 con, trọng lượng heo tiêu hủy 28.599kg.

¹⁸ Giá bò hơi dao động 60.000 – 65.000đ/kg; heo hơi dao động 39.000 – 42.000 đ/kg.

¹⁹ Đến nay đã vận các hộ chăn nuôi tiêm phòng: Cúm gia cầm 1,62 triệu con, đạt 22% tổng đàn; LMLM 95 ngàn con gia súc, đạt 24,79% tổng đàn; Đại chó 15,14 ngàn liều, đạt 9,26% tổng đàn; Tai xanh heo 4,61 ngàn liều, các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 460,6 ngàn liều và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 2,7 triệu liều.

Trong tháng, nông dân tiếp tục thả nuôi thủy sản trên diện tích 1.641 ha, nâng tổng số đến nay thả nuôi 54.608 ha, đạt 94,8% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 4.862ha. Tổng sản lượng thủy hải sản trong tháng ước 19.574 tấn, nâng tổng số đến nay 186.423 tấn, đạt 78,5% kế hoạch, giảm 6,1% so với cùng kỳ (tương đương 12.093 tấn); trong đó: sản lượng nuôi trồng 127.405 tấn, đạt 80,5% kế hoạch, giảm 5% so với cùng kỳ⁽²⁰⁾; do giá nhiên liệu tăng và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên số lượng tàu ra khơi không nhiều, tổng sản lượng khai thác 59.018 tấn, đạt 74,4% kế hoạch, giảm 8,3% so với cùng kỳ.

Chuẩn bị tốt nhất các điều kiện, sẵn sàng hỗ trợ ngư dân đưa tàu về nơi neo đậu an toàn khi xảy ra mưa bão; hỗ trợ 13 chủ tàu lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, nâng tổng số đến nay đã hỗ trợ ngư dân lắp đặt thiết bị giám sát hành trình cho 193 tàu⁽²¹⁾; cấp phát, hướng dẫn ghi nhật ký khai thác cho 176 tàu cá.

3.2. Về sản xuất công nghiệp

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 31/8/2021 về tổ chức trở lại hoạt động sản xuất của doanh nghiệp ở trạng thái bình thường mới (giai đoạn 2), trên 17.000 công nhân của 25 doanh nghiệp trở lại làm việc⁽²²⁾.

Sản xuất công nghiệp trong tháng phục hồi tốt, chỉ số sản xuất tăng trên 56,5% so với tháng trước⁽²³⁾, lũy kế 10 tháng giảm 10% so với cùng kỳ. Giá trị sản xuất công nghiệp ước 2.511 tỷ đồng, lũy kế 10 tháng đạt 27.580 tỷ đồng, đạt 61,1% kế hoạch, giảm 11,2% so với cùng kỳ. Sản xuất công nghiệp trong tháng tăng mạnh trở lại, nhưng tính chung 10 tháng giảm so với cùng kỳ do 02 nguyên nhân chính: (i) Dịch Covid-19 làm tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bị đình trệ hơn 02 tháng, tính đầu năm đến nay nhiều mặt hàng sản xuất công nghiệp giảm sâu như: may mặc (giảm 31,2%), giày thành phẩm (giảm 81,8%), gạo xay xát (giảm 20,9%), bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô (giảm 21%)... giá trị sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo giảm gần 14%; (ii) Giá trị sản xuất công nghiệp sản xuất và phân phối điện giảm gần 9,4% do Bộ Công Thương chỉ đạo cắt giảm sản lượng điện nhằm đảm bảo an toàn lưới điện quốc gia, tổng sản lượng điện sản xuất 10 tháng chỉ đạt 15,173 tỷ kWh⁽²⁴⁾ (bằng 56,7% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ hơn 1,625 tỷ kWh), trong khi ngành điện chiếm tỷ trọng cao, chi phối rất lớn đến toàn ngành công nghiệp. Tuy còn khó khăn nhưng một số doanh nghiệp chủ động sắp xếp phương án sản xuất theo diễn biến dịch bệnh để hoàn tất các đơn hàng, một số sản phẩm công nghiệp cũng tăng khá so với cùng kỳ như: sản xuất túi xách (tăng 31,5%),

²⁰ Trong đó, sản lượng một số con nuôi chủ lực đạt khá như: tôm thẻ chân trắng 52.395 tấn, đạt 92,3%KH; cá lóc 39.415 tấn, đạt 81,6% KH; tôm sú 11.715 tấn, đạt 93,7%KH...

²¹ Gồm: 183 tàu cá chiều dài 15m đến dưới 24m, 10 tàu có chiều dài 24m trở lên.

²² Trong đó: 20 doanh nghiệp hoạt động theo phương án sản xuất trong điều kiện dịch Covid-19 được kiểm soát, trở về trạng thái bình thường mới; 05 doanh nghiệp hoạt động phương án 3 tại chỗ.

²³ Một số mặt hàng tăng khá so với tháng trước như: may mặc tăng 70,3%; điện sản xuất tăng gần 54%; giày thành phẩm tăng 15,7%; gạo xay xát tăng 18,3%; thủy sản đông lạnh tăng 41,7%; thảm dệt các loại tăng 7,6%; thuốc viên các loại, than hoạt tính tăng trên 8%...

²⁴ Bao gồm điện mặt trời Trung Nam.

thuốc viên các loại (tăng 21,9%), than hoạt tính (tăng 13,3%), thủy sản đông lạnh (tăng 4,5%)...

Phát triển điện: tiếp tục theo dõi, hỗ trợ nhà đầu tư triển khai 05 dự án điện gió, đã đấu nối thành công vào điện lưới quốc gia, thử nghiệm hòa vào lưới điện quốc gia 24/79 turbine gió tổng công suất 96MW và đưa vào vận hành phát điện thương mại⁽²⁵⁾. Đầu năm đến nay, phát triển mới 22,76 km đường dây trung thế, 19,37 km đường dây hạ thế, 254 trạm biến áp, phát triển 3.022 hộ sử dụng điện, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,24% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh (vượt 0,04% chỉ tiêu Nghị quyết).

3.3. Thương mại - dịch vụ

Trong tháng, thị trường các loại hàng hóa ổn định, đảm bảo cân đối cung - cầu. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước 1.976,87 tỷ đồng, tăng 33% so với tháng trước, lũy kế 10 tháng 27.127,9 tỷ đồng, đạt 75,4% kế hoạch, giảm 4,8% so với cùng kỳ, trong đó: bán lẻ hàng hóa giảm 2,4%; lưu trú ăn uống giảm 8,2%; du lịch giảm 23,9%; dịch vụ khác giảm 14,1%.

3.4. Công tác xúc tiến đầu tư, hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp; kinh tế tập thể, hợp tác xã

Thành lập Tổ công tác đặc biệt nhằm chủ động tiếp cận, nắm bắt, tiếp nhận thông tin, kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19; ban hành Kế hoạch⁽²⁶⁾ hỗ trợ doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh trong bối cảnh dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 của Chính phủ, trong đó giao nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ngành và địa phương thực hiện 04 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chính gồm: (i) Thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh phục hồi sản xuất; (ii) Ổn định sản xuất, lưu thông hàng hóa thông suốt, khắc phục gián đoạn chuỗi cung ứng; (iii) Hỗ trợ cắt giảm chi phí, tháo gỡ khó khăn về tài chính và (iv) Tạo điều kiện thuận lợi về lao động, chuyên gia.

Thẩm định 02 đề án khuyến công; phê duyệt Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; theo dõi, hỗ trợ các cơ sở sản xuất duy trì các hoạt động thương mại điện tử, quảng bá sản phẩm⁽²⁷⁾. Tổ chức chấm sơ khảo 14 tác phẩm của 08 tác giả/nhóm tác giả tham dự Cuộc thi sáng tác Biểu trưng (Logo) và Khẩu hiệu (Slogan) khởi nghiệp tỉnh Trà Vinh; tổ chức khóa huấn luyện xây dựng doanh nghiệp với chủ đề "Các bước chuyển đổi số cho

²⁵ Trong đó: Điện gió Trường Thành 10 turbine; Điện gió Hàn Quốc - Trà Vinh 14 turbine.

²⁶ Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh.

²⁷ Đến tháng 10/2021 đã cập nhật thông tin của 65 doanh nghiệp, 347 sản phẩm, 30 vùng nguyên liệu trên Sân giao dịch thương mại điện tử; phối hợp với tỉnh Đồng Tháp đăng thông tin quảng bá sản phẩm tôm khô Tiên Hải, bánh tét Trà Cuôn trên Sân giao dịch Thương mại điện tử tỉnh Đồng Tháp; Hỗ trợ giới thiệu các sản phẩm nông - thủy sản của 07 tỉnh, thành phố trên cả nước đến 84 lượt doanh nghiệp trong tỉnh có nhu cầu tiêu thụ, liên kết hợp tác...

doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ tại Trà Vinh”; lựa chọn đơn vị tư vấn khảo sát, đánh giá DDCI tình năm 2021.

Tiếp và làm việc với 04 nhà đầu tư trong nước đến tìm hiểu đầu tư⁽²⁸⁾; cấp mới giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 01 dự án đầu tư nước ngoài với vốn 0,25 triệu USD⁽²⁹⁾, nâng tổng số từ đầu năm đến nay thu hút 17 dự án (16 dự án đầu tư trong nước với vốn đăng ký 10.320,76 tỷ đồng và 01 dự án đầu tư nước ngoài vốn đầu tư 0,25 triệu USD), thấp hơn cùng kỳ 13 dự án nhưng vốn đăng ký cao hơn 9.734,38 tỷ đồng. Toàn tỉnh, hiện có 384 dự án đầu tư còn hiệu lực, gồm: 42 dự án FDI vốn đăng ký 3,1 tỷ USD và 342 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 122.038,14 tỷ đồng⁽³⁰⁾.

Phát triển doanh nghiệp đạt kết quả khả quan hơn so với 02 tháng trước, trong tháng phát triển mới 31 doanh nghiệp⁽³¹⁾, tính từ đầu năm đến nay phát triển mới 295 doanh nghiệp (đạt 59% kế hoạch), giải thể 68 doanh nghiệp, tạm dừng hoạt động 67 doanh nghiệp⁽³²⁾, hoạt động trở lại 06 doanh nghiệp (bằng 8,9% số tạm ngừng); tình hình đăng ký giao dịch qua mạng đạt 55% (cùng kỳ 41%); chuyển đổi 24 hộ kinh doanh lên doanh nghiệp.

Hoàn chỉnh nội dung tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể và 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012. Hỗ trợ trang thiết bị họp trực tuyến, thiết kế bao bì, nhãn hiệu hàng hóa⁽³³⁾, đưa sản phẩm của HTX lên công kết nối cung - cầu của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam. Trong tháng, phát triển mới 03 HTX, lũy kế 10 tháng phát triển 14 HTX và 01 Liên hiệp HTX⁽³⁴⁾.

3.5. Đầu tư xây dựng cơ bản, công tác quy hoạch

Tổng kế hoạch vốn đầu tư năm 2021 là 4.249,629 tỷ đồng, giải ngân đến ngày 20/10/2021 là 2.249,912 tỷ đồng, đạt 52,9% kế hoạch/cùng kỳ giải ngân 53,2%, (nếu trừ đi 541,657 tỷ đồng vốn NSTW + vốn ODA giao trong tháng 9/2021 thì tỷ lệ giải ngân đạt 60,7% kế hoạch), trong đó: (i) Kế hoạch vốn giao năm 2021 giải ngân 1.656,869 tỷ đồng/3.347,240 tỷ đồng, đạt 49,5% kế hoạch⁽³⁵⁾; (ii) Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021 giải ngân 593,044 tỷ đồng/902,389 tỷ đồng, đạt 65,7% kế hoạch.

²⁸ Công ty TNHH ĐT-PT Đại Nam Phát, lĩnh vực quan tâm: Khách sạn Star; Công ty CP An Phát, lĩnh vực quan tâm: Khu du lịch khoáng nóng Duyên Hải; Công ty CP Hải Đăng khảo sát lại hiện trạng, điều chỉnh bổ sung theo ý kiến của Bộ KHĐT; Công ty Cổ phần Tập đoàn The Green Solutions đề xuất đầu tư dự án Nhà máy điện phân sản xuất khí Hydrogen.

²⁹ Dự án sản xuất các mặt hàng may mặc của Công ty TNHH Quốc tế Zhunhao của Best Intended Co., Ltd.

³⁰ Trong 384 dự án, có: 289 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ; 44 dự án đang triển khai; 44 dự án đang thực hiện thủ tục pháp lý và 07 dự án đang thực hiện thủ tục chấm dứt dự án.

³¹ Huyện Cầu Kè đã hoàn thành 100% chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp.

³² So với cùng kỳ, số doanh nghiệp thành lập mới giảm 63, số giải thể tăng 03, số tạm ngừng tăng 02.

³³ Dự án Agriterra hỗ trợ 02 bộ thiết bị họp trực tuyến (tổng giá trị 70 triệu đồng), tư vấn thiết kế bao bì, nhãn hiệu gạo cho HTX Phú Mỹ Châu, HTX Rạch Lộp...

³⁴ Toàn tỉnh hiện có 01 Liên hiệp HTX, 173 HTX đang hoạt động (trong đó có 129 HTX nông nghiệp, 28 HTX phi nông nghiệp và 16 Quy TDND), tổng vốn điều lệ 171,043 tỷ đồng, tổng số thành viên 30.009 người.

³⁵ Trong đó: (i) Kế hoạch vốn theo Thủ tướng Chính phủ giao: Giải ngân 1.552,520 tỷ đồng/3.059,198 tỷ đồng, đạt 50,7% kế hoạch; (ii) Kế hoạch vốn giao bổ sung năm 2021 (năm ngoài dự toán Thủ tướng Chính phủ giao): Giải ngân 104,349/288,042 tỷ đồng, đạt 36,2% kế hoạch.

Đến nay, 100% xã được phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới, 03/07 huyện được phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện; tiếp tục thực hiện các quy hoạch xây dựng vùng huyện: Châu Thành⁽³⁶⁾, Cầu Ngang⁽³⁷⁾, Trà Cú⁽³⁸⁾, Duyên Hải⁽³⁹⁾. Hoàn chỉnh báo cáo hiện trạng tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, xây dựng các hợp phần quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ

4.1. Giáo dục và đào tạo

Tập trung chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc các biện pháp đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh Covid-19⁽⁴⁰⁾, duy trì hoạt động dạy và học theo phương châm “Tạm dừng đến trường, không ngừng học”. Tiếp nhận, hỗ trợ 1.400 tivi, 400 máy tính bảng và 40 bộ máy tính cho học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo và các đơn vị trường học có điều kiện dạy và học trực tuyến. Phê duyệt danh sách học sinh trúng tuyển vào học các trường phổ thông dân tộc nội trú năm học 2021 - 2022⁽⁴¹⁾. Xây dựng kế hoạch thời gian tập trung học sinh để dạy học trực tiếp trong trạng thái bình thường mới; ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh; hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về tạm ngưng thu học phí học kỳ I năm học 2021 - 2022 đối với cấp học mầm non và phổ thông trên địa bàn tỉnh.

4.2. Khoa học và công nghệ

Tuyển chọn 02 tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, lũy kế đến nay đã tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện 22 đề tài thuộc danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2021⁽⁴²⁾. Tiếp tục thực hiện 03 đề án về sở hữu trí tuệ⁽⁴³⁾, nghiệm thu 02 mô hình thuộc khuôn khổ dự án Dự án “Xây dựng mô hình trồng dưa sáp bằng nguồn cây giống nuôi cấy phôi tại tỉnh Trà Vinh”⁽⁴⁴⁾ ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2021⁽⁴⁵⁾; tư vấn về công bố tiêu chuẩn cơ

³⁶ Đang lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch.

³⁷ Đã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, đang tổ chức đấu thầu lựa chọn tư vấn.

³⁸ Đã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, đang tổ chức lập đồ án quy hoạch.

³⁹ Đang hoàn chỉnh đồ án quy hoạch.

⁴⁰ Ngành Giáo dục có: 06 học sinh F0; 04 học sinh, 01 giáo viên F1; 142 giáo viên và 3.185 học sinh còn lưu trú ngoài tỉnh do ảnh hưởng dịch bệnh.

⁴¹ Có 770 học sinh trúng tuyển gồm: lớp 6: 490 học sinh, lớp 10: 280 học sinh.

⁴² Đạt 95,65% kế hoạch năm (23 nhiệm vụ KH&CN).

⁴³ Gồm: (i) Đề án “Xây dựng bảo hộ và quản lý nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm lúa, gạo hữu cơ của huyện Châu Thành”; (ii) Dự án bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “Tôm Trà Vinh; (iii) Dự án bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Trà Vinh” cho sản phẩm trái dưa sáp.

⁴⁴ Gồm: (i) Mô hình nhân giống dưa sáp tại Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KH&CN với quy mô diện tích là 500m², tổng số lượng 1.500 cây, kết quả cây đạt so với thuyết minh và hợp đồng, tỷ lệ cây/phôi là 34,1% vượt so thuyết minh (theo thuyết minh đạt 30%); (ii) Mô hình trồng với quy mô 06 ha (11 hộ), trồng 960 cây tại các xã Phong Phú, An Phú Tân, Hòa Tân huyện Cầu Kè, tỷ lệ sống đạt 99,85% vượt so thuyết minh (theo thuyết minh đạt 80%).

⁴⁵ Có 18 bộ hồ sơ đăng ký dự thi.

sở, mã số mã vạch cho 01 doanh nghiệp⁽⁴⁶⁾. Tổ chức Hội thảo khoa học “Nâng cao ứng dụng kết quả nghiên cứu thông qua tăng cường phối hợp giữa viện, trường và sở, ngành, địa phương”.

5. Bảo trợ xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác

5.1. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm

Do tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 nên giải quyết việc làm gặp nhiều khó khăn; tư vấn việc làm cho 416 lao động, tạo việc làm mới cho 7 lao động; lũy kế 10 tháng tạo việc làm mới cho 16.650 lao động, đạt 72,4% kế hoạch, đưa 292 lao động đi làm việc ở nước ngoài, đạt 32,4% kế hoạch. Giải quyết trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho 273 lao động, lũy kế 10 tháng giải quyết trợ cấp cho 11.613 lao động, số tiền chi trả 187,1 tỷ đồng.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp triển khai tuyển sinh online và nhận hồ sơ qua đường bưu điện, tính từ đầu năm đến nay đã tuyển sinh 6.935 người, đạt 36,5% kế hoạch.

5.2. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công

Giải quyết chế độ cho 31 trường hợp người có công cách mạng, lũy kế 10 tháng giải quyết cho 802 trường hợp⁽⁴⁷⁾. Điều chỉnh chế độ trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng theo Nghị định số 75/2021/NĐ-CP của Chính phủ và điều chỉnh quyết định điều dưỡng tại gia đình năm 2021. Tiếp tục thống kê, rà soát thông tin liệt sĩ phục vụ công tác nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ và các nhà bia ghi tên liệt sĩ.

5.3. Bảo trợ xã hội và giảm nghèo

Xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và mức trợ cấp xã hội hàng tháng đối với nhóm đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ. Các nhà hảo tâm, các tổ chức từ thiện trong và ngoài tỉnh ủng hộ tiền và hiện vật trị giá trên 1,2 tỷ đồng, giúp đỡ cho 6.896 lượt đối tượng.

Tổ chức Hội nghị trực tuyến đánh giá tình hình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cải thiện nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh. Điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2021, đến ngày 15/10/2021, đã thực hiện điều tra, rà soát 95.484 hộ, đạt 30,5%.

⁴⁶ DNTN vàng Tài Lợi.

⁴⁷ Trong đó: Trợ cấp ưu đãi Bà mẹ Việt Nam anh hùng 13 trường hợp; giải quyết chế độ thờ cúng liệt sĩ 260 trường hợp; chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học 20 trường hợp; chế độ tuất tử trần cho 78 trường hợp; giải quyết chế độ BHYT theo Quyết định 290, 62 và 49 của Thủ tướng Chính phủ cho 192 trường hợp; chế độ mai táng phí cho 239 trường hợp là người có công với cách mạng, hội viên Hội Cựu chiến binh tử trần, người hưởng chính sách theo Quyết định 290, 42, 69 của Thủ tướng Chính phủ.

5.4. Công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện bình đẳng giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em

Tổ chức thăm hỏi, tặng quà gia đình chính sách, cán bộ hưu trí, chức sắc, chức việc, chùa Phật giáo Nam tông Khmer nhân dịp Lễ Sêne Đôlta năm 2021. Tặng quà cho 412 người có uy tín; cấp phát 10.753 ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn⁽⁴⁸⁾. Kiểm tra, rà soát đối tượng hưởng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hỗ trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa Chánh điện, Trai đường cho 02 tổ chức tôn giáo. Trao tiền hỗ trợ Covid-19 của Ban Tôn giáo Chính phủ cho 08 vị chức sắc. Thăm, tặng quà cho 200 trẻ em là học sinh của các trường trung học cơ sở tại huyện Cầu Ngang, Càng Long, Trà Cú, Tiểu Cần nhân dịp năm học 2021 - 2022.

5.5. Chăm sóc sức khỏe nhân dân

Thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo an toàn phòng, chống dịch Covid-19 trong bệnh viện; tổng lượt khám bệnh, chữa bệnh trong tháng là 67.462 lượt⁽⁴⁹⁾; phát hiện và xử lý 01 ổ dịch sốt xuất huyết⁽⁵⁰⁾, 02 ca tay chân miệng⁽⁵¹⁾, 17 ca sốt xuất huyết⁽⁵²⁾; 103 trẻ⁽⁵³⁾ dưới 5 tuổi thoát khỏi suy dinh dưỡng; 12 người nhiễm HIV mới được phát hiện⁽⁵⁴⁾.

Công tác quản lý nhà nước về y tế được tăng cường, xây dựng 03 kế hoạch chuyên ngành y tế⁽⁵⁵⁾, kiểm soát chặt chẽ việc tự công bố, ghi nhãn và quảng cáo sản phẩm có tác dụng hỗ trợ điều trị Covid-19, bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các loại thực phẩm cung cấp, hỗ trợ trong giai đoạn phòng, chống dịch Covid-19....

5.6. Văn hóa, thể thao và du lịch

Xây dựng Kế hoạch tổ chức liên hoan Ban vận động xây dựng ấp, khóm văn hóa tiêu biểu tỉnh năm 2021. Triển khai mô hình phòng chống bạo lực gia đình ở các huyện, thị xã, thành phố. Trong tháng, tổng lượt khách đến làm việc và lưu trú 1.684 lượt người (giảm 71,1% so tháng trước), có 215 lượt khách quốc tế; doanh thu 1,025 tỷ đồng (giảm 54%); công suất phòng bình quân đạt

⁴⁸ Nâng 10 tháng; thăm, viếng 895 người có uy tín và người thân (trong đó: tặng quà 861 lượt người có uy tín nhân dịp tết Nguyên Đán, tết cổ truyền Chôl Chnam Thmây, Lễ Sêne Đôlta năm 2021,...); cấp phát 124.883 ấn phẩm báo, tạp chí cho người thụ hưởng.

⁴⁹ Lũy kế đến nay có 1.216.245 lượt, đạt 70,9% so với kế hoạch.

⁵⁰ Cộng dồn tổng số ổ dịch được xử lý/ổ dịch được phát hiện là 64/64 ổ, số ổ dịch giảm 63,4% so với cùng kỳ năm 2020 (175 ổ).

⁵¹ Số ca mắc tăng 01 ca so với tháng trước; cộng dồn mắc 397 ca, tăng 92,7% so với cùng kỳ năm 2020 (206 ca), không có tử vong.

⁵² Số ca mắc tăng 06 ca so với tháng trước (mắc 09 ca, bỏ sung 02 ca); cộng dồn mắc 398, giảm 52,3% so với cùng kỳ năm 2020 (890 ca), không có tử vong.

⁵³ Cộng dồn 1.460 trẻ, đạt 73,8% kế hoạch.

⁵⁴ Đến ngày 30/9/2021, toàn tỉnh có 2.527 người nhiễm HIV; 1.675 người chuyển sang giai đoạn AIDS; 1.057 người tử vong do HIV/AIDS.

⁵⁵ (i) Kế hoạch kiểm tra vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động đợt 2 năm 2021; (ii) Kế hoạch chỉ đạo truyền thông bệnh Tim mạch; (iii) Kế hoạch giám sát, chỉ đạo tuyên hoạt động truyền thông – giáo dục sức khỏe quý III/2021 tại các TTYT huyện, thị xã và thành phố, các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

12,3% (giảm 5,4%)⁽⁵⁶⁾. Triển khai thực hiện Chương trình xúc tiến du lịch tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025; thực hiện phim ngắn giới thiệu “*Nét đẹp làng nghề tỉnh Trà Vinh*” phát sóng trên kênh truyền hình thành phố Hồ Chí Minh và các trang mạng xã hội. Tổ chức kiểm tra 21 cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa, thể thao và du lịch trong công tác phòng, chống dịch Covid-19.

6. Tài nguyên và môi trường

Phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 huyện Cầu Kè. Trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đến từng đơn vị hành chính cấp huyện. Trong tháng, xác định giá đất 02 công trình, dự án; cấp mới 334 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nâng tổng số đã cấp 626.028 giấy, đạt 99,35% diện tích cần cấp giấy. Xử lý 100% rác thải y tế, rác thải sinh hoạt tại các bệnh viện dã chiến, khu cách ly tập trung trên địa bàn. Tổ chức 04 đợt kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại 05 cơ sở nuôi tôm nước lợ thâm canh mật độ cao, nuôi cá lóc trên địa bàn các huyện; 10 cuộc kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 01/KH-UBND, Kế hoạch số 52/KH-UBND của UBND tỉnh.

7. Thông tin và truyền thông

Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030. Ban hành Chỉ thị tăng cường tổ chức sử dụng đồng bộ các hệ thống thông tin dùng chung trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông đảm bảo đường truyền, chất lượng dịch vụ viễn thông phục vụ dạy và học trực tuyến và các cuộc họp trực tuyến phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh⁽⁵⁷⁾. Cấp 21 giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; cấp mới 92 tài khoản, 10 chứng thư số, 09 hộp thư điện tử công vụ⁽⁵⁸⁾. Kiểm tra, khắc phục các lỗ hổng bảo mật, đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn.

8. Cải cách hành chính, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng

Tổng kết thực hiện mô hình “Chính quyền, công sở thân thiện và trách nhiệm”; tham gia thử nghiệm Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân. Triển khai Kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2021. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành 10 cuộc với 53 tổ chức, cá nhân⁽⁵⁹⁾. Tiếp 408 lượt người đến khiếu nại, tố cáo, nhận 352 đơn, giải quyết 52/169 đơn thuộc thẩm quyền, đạt 30,7%⁽⁶⁰⁾.

⁵⁶ Nâng 10 tháng, doanh thu đạt 149 tỷ đồng; lượt khách lưu trú đạt 168.466 lượt.

⁵⁷ Vận hành 11 cuộc họp trực tuyến, 70 cuộc họp thông qua Jitsi meet.

⁵⁸ Nâng 10 tháng, có 7.401 người dùng trên hệ thống VNPT-iOffice; 2.312 chứng thư số; 7.729 hộp thư điện tử công vụ.

⁵⁹ Phát hiện và xử lý 07 trường hợp vi phạm ở lĩnh vực nông nghiệp, thông tin truyền thông, xử phạt vi phạm hành chính 53 triệu đồng.

⁶⁰ Giải quyết đơn khiếu nại lĩnh vực đất đai đạt 7,1%, đơn kiến nghị, phản ánh đạt 38,5%, đơn yêu cầu đạt 59,3%; đơn tranh chấp đất đai đạt 4,3%.

9. Về quốc phòng, an ninh

Duy trì nghiêm công tác trực sẵn sàng chiến đấu; tuần tra, kiểm soát bảo vệ an toàn địa bàn; theo dõi, kiểm tra công tác chuẩn bị diễn tập khu vực phòng thủ thành phố Trà Vinh và huyện Trà Cú; theo dõi các hoạt động “Tết Quân - Dân” năm 2022 thành phố Trà Vinh, xã An Quảng Hữu (Trà Cú), xã Song Lộc (Châu Thành); chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác tuyển quân năm 2022. Tiếp tục thực hiện Dự án sản xuất, cấp và quản lý Căn cước công dân⁽⁶¹⁾.

Phát hiện 07 vụ vi phạm về quản lý kinh tế⁽⁶²⁾; đầu năm đến nay, phát hiện 106 vụ (tăng 22 vụ so với cùng kỳ). Kiểm tra, phát hiện 12 vụ vi phạm về môi trường, đầu năm đến nay phát hiện 313 vụ (tăng 95 vụ so với cùng kỳ).

Xảy ra 33 vụ phạm tội về trật tự xã hội, từ đầu năm 2021 đến nay xảy ra 276 vụ (tăng 64 vụ so với cùng kỳ), đã điều tra làm rõ 93,1%.

Phát hiện 07 vụ, 09 đối tượng phạm tội về ma, thu giữ 0,6 gam ma túy tổng hợp; triệt xóa 06 vụ, 20 đối tượng tụ tập sử dụng trái phép chất ma túy. Từ đầu năm 2021 đến nay phát hiện 93 vụ phạm tội về ma túy (tăng 11 vụ so với cùng kỳ).

Xảy ra 05 vụ tai nạn giao thông, đầu năm đến nay xảy ra 36 vụ (so với cùng kỳ giảm 03 vụ, tăng 01 người chết, giảm 07 người bị thương). Tổ chức tuần tra đảm bảo TTATGT, phát hiện 2.363 trường hợp vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính 2.376 trường hợp, số tiền 3,46 tỷ đồng.

Xảy ra 01 vụ cháy, thiệt hại tài sản khoảng 300 triệu đồng. Từ đầu năm 2021 đến nay xảy ra 02 vụ (giảm 04 vụ so với cùng kỳ), thiệt hại tài sản khoảng 1,8 tỷ đồng. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hưởng ứng kỷ niệm 20 năm “Ngày toàn dân phòng cháy, chữa cháy” (04/10/2021); kiểm tra an toàn PCCC tại 785 cơ sở, yêu cầu khắc phục 09 hạn chế, thiếu sót.

II. HẠN CHẾ, YẾU KÉM

- Về kinh tế: mặc dù đã nới lỏng các biện pháp giãn cách xã hội, khôi phục nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh từ 0 giờ ngày 10/10/2021 nhưng nhìn chung hoạt động sản xuất còn nhiều khó khăn do giá cả vật tư đầu vào tăng cao (vật liệu xây dựng, phân bón, xăng dầu, thức ăn chăn nuôi...), các doanh nghiệp bắt đầu hoạt động trở lại ở trạng thái bình thường mới (giai đoạn 2) nhưng sản xuất chưa đạt công suất tối đa; sản xuất điện chiếm tỷ trọng lớn, chi phối nhưng sản lượng tiếp tục bị cắt giảm; công nghiệp có phục hồi nhưng tính chung 10 tháng sụt giảm 11,2% so với cùng kỳ; các hoạt động hội chợ, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu hàng hóa, thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm... triển khai chưa đảm bảo kế hoạch; một số địa phương chưa triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh, thiếu quyết liệt

⁶¹ Đến ngày 15/10/2021, kết quả: đợt 1 cấp 732.000 CCCD, đạt 93,6% chỉ tiêu Cục C06 (Bộ Công an) giao; đợt 2 cấp 950.000 CCCD, đạt 72,1% (do Cục C06 điều chỉnh chỉ tiêu tăng); đợt 3 cấp 985.277 CCCD, đạt 69,9% (do Cục C06 tiếp tục điều chỉnh chỉ tiêu tăng).

⁶² Trong đó, có 05 vụ lợi dụng “luồng xanh”.

trong xử lý và tiêu hủy khi gia súc mắc bệnh; tỷ lệ tiêm phòng trên đàn vật nuôi còn thấp; vận động ngư dân lấp đặt, vận hành thiết bị giám sát hành trình hiệu quả còn thấp.

- Về văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh: đời sống, sinh hoạt của người dân còn nhiều khó khăn; tạo việc làm mới, xuất khẩu lao động, giải quyết đơn thư khiếu nại còn thấp; lĩnh vực du lịch chưa hoạt động trở lại, tổng lượt khách, doanh thu, công suất phòng giảm so với tháng trước.

IV. MỘT SỐ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM THÁNG 11/2021

1. Tập trung rà soát các nhiệm vụ, phần việc trong năm còn tồn đọng để dồn sức thực hiện; đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tài chính ngân sách, đầu tư công năm 2021, xây dựng kế hoạch, Nghị quyết năm 2022; chuẩn bị tốt các nội dung, nhiệm vụ phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm. Đẩy nhanh tiến độ lập Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Huy động nguồn nhân lực y tế (kể cả y tế tư nhân, cán bộ y tế nghỉ hưu; đảm bảo chế độ thù lao, hỗ trợ hợp lý theo quy định) để vừa nhiệm vụ tiêm vắc-xin đảm bảo an toàn, hiệu quả vừa thực hiện nhiệm vụ tại các khu cách ly và đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh. Tập trung hỗ trợ dứt điểm cho người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và Nghị quyết 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ. Từng bước thực hiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên tuyên truyền, vận động toàn thể nhân dân tiếp tục thực hiện tốt thông điệp 5K trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19 của Bộ Y tế, các quy định của tỉnh, tuyệt đối không được lơ là, chủ quan, mất cảnh giác, góp phần giữ vững thành quả đạt được sau thời gian nỗ lực phòng, chống dịch Covid-19.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nông dân vệ sinh đồng ruộng, chuẩn bị xuống giống lúa, màu vụ đông xuân, nhất là trồng các loại rau màu phục vụ Tết Nguyên đán, quan tâm phát triển diện tích màu theo hướng hữu cơ, an toàn; khuyến khích nông dân chuyển sang trồng màu ở những vùng khó khăn trong sản xuất lúa vụ đông xuân.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền phòng chống dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi, nhất là sâu đầu đen hại dừa, sâu xanh ăn lá cây dâu, cây sao; bệnh viêm da nổi cục trên đàn trâu, bò và dịch tả heo châu Phi; tập trung tiêm vắc-xin phòng bệnh viêm da nổi cục, đảm bảo tỷ lệ tiêm phòng đạt tối thiểu 90% số gia súc thuộc diện tiêm. Chủ động các biện pháp phòng, chống thiên tai, hạn, mặn và vệ sinh phòng cháy rừng mùa khô 2021-2022.

Hướng dẫn người dân cải tạo ao hồ đúng quy trình kỹ thuật và thả nuôi thủy sản đúng lịch thời vụ, khuyến khích chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi thủy sản, mở rộng quy mô, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ, nhất là nuôi tôm thâm canh mật độ cao. Tập trung

thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là các xã dự kiến đạt chuẩn năm 2021, chú trọng xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, hoàn chỉnh hồ sơ trình Trung ương thẩm định, công nhận huyện Châu Thành đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Tập trung tuyên truyền, hỗ trợ chủ tàu lắp đặt, vận hành thiết bị giám sát hành trình theo quy định; phê duyệt Đề án điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh làm cơ sở cho việc xác định hạn ngạch cấp giấy phép khai thác hải sản nhằm giải quyết dứt điểm việc gỡ “Thẻ vàng” của EC.

Tiếp nhận sản phẩm OCOP của các địa phương, tổ chức đánh giá chấm điểm sản phẩm OCOP năm 2021; xây dựng Đề án Chương trình OCOP giai đoạn 2021 - 2025.

4. Triển khai thực hiện đánh giá năng lực điều hành cấp sở, ngành, huyện thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh năm 2021. Hoàn chỉnh Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025. Ban hành Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2022. Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể và 10 năm thi hành Luật hợp tác xã năm 2012.

5. Tập trung theo dõi, nắm chắc tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, nhất là những khó khăn, vướng mắc khi trở lại sản xuất trong điều kiện bình thường mới, tình hình sản xuất phục vụ thị trường cuối năm, đặc biệt là các doanh nghiệp có đóng góp lớn cho sản xuất công nghiệp của tỉnh. Quan tâm hỗ trợ xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, khuyến công. Triển khai thực hiện chiến lược “Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch Xúc tiến xuất khẩu giai đoạn sau Covid-19, Kế hoạch thực hiện Chương trình bình ổn thị trường trên địa bàn tỉnh năm 2021 và Tết Nhâm Dần năm 2022.

6. Theo dõi chặt chẽ tiến độ các khoản thu; rà soát các nguồn thu còn dư địa, còn tiềm năng để có biện pháp thu hợp lý; đôn đốc, huy động kịp thời các khoản thu thuế mới phát sinh. Tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn sản xuất cho thị trường cuối năm gắn với kiểm soát, xử lý nợ xấu. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân, rà soát cắt giảm và điều chuyển kế hoạch vốn năm 2021, phân đấu đến cuối năm giải ngân vốn đầu tư công đạt 95% trở lên.

7. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11. Chuẩn bị các điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông, phương án chuyển đổi từ dạy học trực tuyến sang dạy học trực tiếp. Tổ chức cuộc thi học sinh với ý tưởng khởi nghiệp năm học 2021 - 2022; tuyển chọn đội tuyển học sinh giỏi lớp 12 của tỉnh dự thi cấp quốc gia năm 2022; tham gia hội thi tin học trẻ vòng khu vực cấp quốc gia. Tăng cường quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; triển khai thực hiện kế hoạch hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong nước cho các tổ chức, cá nhân năm 2021.

8. Tăng cường tổ chức các cuộc hội thảo, tư vấn giới thiệu việc làm theo hình thức trực tuyến; tập trung rà soát số lao động từ địa phương khác về do bị ảnh hưởng dịch Covid-19 để xây dựng kế hoạch hỗ trợ tìm kiếm việc làm và đào tạo nghề. Đẩy mạnh hoạt động tuyển dụng, đào tạo cung ứng lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Tiếp tục điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu trên địa bàn tỉnh.

9. Tổ chức liên hoan Ban vận động xây dựng ấp, khóm văn hóa tiêu biểu tỉnh Trà Vinh năm 2021. Triển khai thực hiện các chính sách kích cầu, phục hồi hoạt động du lịch, lễ hành sau dịch bệnh Covid-19.

10. Trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định Kế hoạch sử dụng đất 05 năm thời kỳ 2021 - 2025 của tỉnh; teo đổi, thẩm định kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện. Sơ kết, tổng kết, đánh giá quá trình triển khai, cụ thể hóa Chỉ thị số 46-CT/TU, Chỉ thị số 47-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong hoạt động khoáng sản, xử lý nghiêm theo quy định các trường hợp khai thác cát không phép, trái phép; chấn chỉnh tình trạng lập bến, bãi tập kết cát sông, cát biển trên các tuyến sông.

11. Kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021. Thử nghiệm Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân theo yêu cầu của Bộ Nội vụ. Tập trung thực hiện tốt công tác hòa giải ở cơ sở, tiếp và giải quyết đơn, thư, khiếu nại, tố cáo của công dân.

12. Tăng cường công tác tuần tra kiểm soát, nắm chắc tình hình địa bàn; chủ động các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn trật tự, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, đảm bảo an toàn giao thông./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Vụ IV - VPCP;
- Bộ Tư lệnh QK9;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh (3 hệ);
- HĐND, UBND các huyện, Thị xã, thành phố;
- LĐ VP.UBND tỉnh
- Các phòng NC;
- Lưu VT, THNV. 05

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Hân



Phụ lục I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 10 NĂM 2021

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 10	ƯTH 10 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ
1	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng	12,577.752	14,029.309	494.452	12,421.014	88.54	98.75
	<i>Trong đó: Thu nội địa</i>	Tỷ đồng	3,909.945	5,000.000	146.395	3,923.843	78.48	100.36
2	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	7,607.589	12,315.250	1,417.675	8,072.683	65.55	106.11
3	Số dự án đầu tư đăng ký mới⁽¹⁾	Dự án	30		1	17		56.67
	- Số dự án trong nước	Dự án	29		0	16		55.17
	- Số vốn đăng ký trong nước	Tỷ đồng	586.38		0.00	10,320.76		1,760.08
	- Số dự án FDI	Dự án	1	3	1	1		
	- Vốn đăng ký FDI	triệu USD	0.29	250	0.25	0.25		
4	Phát triển doanh nghiệp⁽²⁾							
	- Thành lập mới							
	+ Số doanh nghiệp	DN	358	500	31	295	59.00	82.40
	+ Số chi nhánh, địa điểm kinh doanh		218		8	174		79.82
	+ Vốn đăng ký	Tỷ đồng	3,375.0		103.00	4,542.0		134.58
	- Đăng ký bổ sung							
	+ Số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc	DN	1,330		44	527		39.62
	+ Vốn bổ sung	Tỷ đồng	789		94	3,305		418.88
	- Giải thể	DN	65		7	68		104.62

(1) Đến nay có 384 dự án đầu tư còn hiệu lực, trong đó có 342 dự án trong nước với vốn đăng ký 122.038,14 tỷ đồng, 42 dự án FDI với vốn đăng ký 3.107,06 triệu USD

(2) Đến nay có 3.214 doanh nghiệp, vốn đăng ký 46.937 tỷ đồng, số lao động 95.189 (trong đó có 2.785 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 42.646 tỷ đồng, 88.185 lao động; 43 doanh nghiệp FDI).

Phụ lục số 2. SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN THÁNG 10 NĂM 2021

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 10	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/10	Kế hoạch	Cùng kỳ
A	NÔNG NGHIỆP							
	Diện tích gieo trồng hàng năm	Ha	249,777	245,996	23,252	255,693	103.94	102.37
	* Cây lương thực có hạt							
	- Diện tích gieo trồng	ha	204,813	198,146	20,899	212,398	107.19	103.70
	- Diện tích thu hoạch	ha	119,030	198,146	47,750	136,332	68.80	114.54
	- Sản lượng	Tấn	591,590	1,105,484	248,538	776,043	70.20	131.18
1	Lúa cả năm							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	201,409	194,346	20,599	208,981	107.53	103.76
	- Diện tích thu hoạch	Ha	116,119	194,346	47,629	133,735	68.81	115.17
	- Năng suất	Tấn/ha	4.95	5.58	5.21	5.70	102.15	115.09
	- Sản lượng	Tấn	575,127	1,084,584	247,906	762,354	70.29	132.55
a	Lúa mùa							
	- DT gieo sạ	Ha	2,263			1,340		59.21
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,214			1,340		60.52
	- Năng suất	Tấn/ha	3.94			4.83		122.59
	- Sản lượng	Tấn	8,722			6,471		74.19
b	Vụ Đông Xuân							
	- Diện tích xuống giống	Ha	60,457	50,346		59,734	118.65	98.80
	- Diện tích thu hoạch	Ha	43,919	50,346		59,734	118.65	136.01
	- Năng suất	Tấn/ha	4.88	6.60		6.41	97.06	131.27
	- Sản lượng	Tấn	214,319	332,284		382,643	115.16	178.54
c	Lúa Hè thu							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	73,738	74,000		72,779	98.35	98.70
	- Diện tích thu hoạch	Ha	69,986	74,000	47,629	72,661	98.19	103.82
	- Năng suất	Tấn/ha	5.03	5.20	5.21	5.14	98.78	102.11
	- Sản lượng	Tấn	352,086	384,800	247,906	373,240	97.00	106.01
d	Lúa Thu đông							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	64,951	70,000	20,599	75,128	107.33	115.67
	- Diện tích thu hoạch	Ha		70,000			-	
	- Năng suất	Tấn/ha		5.25			-	
	- Sản lượng	Tấn		367,500			-	
2	Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	48,368	51,650	2,653	46,711	90.44	96.57
	- Diện tích thu hoạch	Ha	41,303	51,650	1,795	38,451	74.45	93.10
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	24.09	25.53	21.98	23.97	93.89	99.52
	- Sản lượng	Tấn	994,853	1,318,608	39,460	921,711	69.90	92.65
a	Màu lương thực							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	5,582	6,170	480	5,516	89.40	98.81
	- Diện tích thu hoạch	Ha	4,338	6,170	299	3,988	64.63	91.92
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	9.39	9.71	11.80	9.04	93.13	96.31
	- Sản lượng	Tấn	40,726	59,895	3,527	36,053	60.19	88.53
	Trong đó:							

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 10	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/10	Kế hoạch	Cùng kỳ
	<i>+ Bắp:</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3,404	3,800	300	3,417	89.92	100.38
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,911	3,800	121	2,597	68.35	89.22
	- Năng suất	Tấn/ha	5.66	5.50	5.21	5.27	95.82	93.19
	- Sản lượng	Tấn	16,463	20,900	632	13,688	65.49	83.14
	<i>+ Khoai lang</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,117	1,250	99	1,140	91.22	102.12
	- Diện tích thu hoạch	Ha	731	1,250	134	811	64.91	111.02
	- Năng suất	Tấn/ha	17.82	16.20	16.31	16.33	100.81	91.65
	- Sản lượng	Tấn	13,023	20,250	2,178	13,251	65.44	101.75
	<i>+ Khoai mì</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	656	670	55	592	88.30	90.20
	- Diện tích thu hoạch	Ha	419	670	33	365	54.42	87.03
	- Năng suất	Tấn/ha	16.27	17.50	16.30	15.74	89.94	96.76
	- Sản lượng	Tấn	6,815	11,725	538	5,739	48.95	84.21
	<i>+ Cây có củ khác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	406	450	26	367	81.58	90.44
	- Diện tích thu hoạch	Ha	277	450	11	214	47.64	77.31
	- Năng suất	Tấn/ha	15.95	15.60	16.30	15.74	100.90	98.68
	- Sản lượng	Tấn	4,424	7,020	179	3,375	48.07	76.28
b	Màu thực phẩm							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	30,098	31,980	1,430	28,638	89.55	95.15
	- Diện tích thu hoạch	Ha	26,563	31,980	954	24,721	77.30	93.07
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	22.17	22.19	22.71	22.21	100.11	100.19
	- Sản lượng	Tấn	588,991	709,638	21,657	549,165	77.39	93.24
	Trong đó:							
	<i>+ Rau màu các loại</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	29,639	31,500	1,413	28,219	89.58	95.21
	- Diện tích thu hoạch	Ha	26,168	31,500	950	24,369	77.36	93.12
	- Năng suất	Tấn/ha	22.48	22.50	22.79	22.51	100.04	100.13
	- Sản lượng	Tấn	588,267	708,750	21,651	548,537	77.40	93.25
	<i>+ Đậu các loại</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	459	480	18	420	87.42	91.41
	- Diện tích thu hoạch	Ha	395	480	4	353	73.48	89.35
	- Năng suất	Tấn/ha	1.83	1.85	1.78	1.78	96.27	97.11
	- Sản lượng	Tấn	724	888	7	628	70.74	86.77
c	Cây công nghiệp hàng năm							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	12,688	13,500	742	12,557	93.02	98.97
	- Diện tích thu hoạch	Ha	10,402	13,500	543	9,742	72.17	93.66
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	35.10	40.67	26.31	34.54	84.92	98.39
	- Sản lượng	Tấn	365,137	549,075	14,275	336,492	61.28	92.16
	Trong đó:							
	<i>+ Mía cây</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,664	1,200	6	1,329	110.78	79.88

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 10	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/10	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,482	1,200	4	1,052	87.70	71.01
	- Năng suất	Tấn/ha	87.88	100.00	90.56	90.37	90.37	102.83
	- Sản lượng	Tấn	130,249	120,000	344	95,108	79.26	73.02
	<i>+ Đậu phộng</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	4,195	4,500	89	4,187	93.04	99.80
	- Diện tích thu hoạch	Ha	3,864	4,500	310	3,875	86.12	100.29
	- Năng suất	Tấn/ha	5.06	5.35	5.40	5.22	97.59	103.12
	- Sản lượng	Tấn	19,564	24,075	1,674	20,234	84.04	103.42
	<i>+ Cây lác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2,321	2,500	173	2,283	91.30	98.35
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,737	2,500	39	1,668	66.73	96.04
	- Năng suất	Tấn/ha	11.96	12.00	10.90	10.92	91.00	91.30
	- Sản lượng	Tấn	20,776	30,000	425	18,218	60.73	87.69
	<i>+ Cây khác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	4,507	5,300	473	4,759	89.78	105.57
	- Diện tích thu hoạch	Ha	3,318	5,300	190	3,146	59.36	94.82
	- Năng suất	Tấn/ha	58.63	70.75	62.35	64.50	91.16	110.01
	- Sản lượng	Tấn	194,548	375,000	11,832	202,933	54.12	104.31
B	THỦY - HẢI SẢN:							
1	Tổng sản lượng	Tấn	198,517	237,580	19,574	186,423	78.47	93.91
	Trong đó : - Tôm các loại	"	70,103	78,330	7,871	70,160	89.57	100.08
	- Sản lượng Khai thác	Tấn	64,351	79,380	5,214	59,018	74.35	91.71
	+ Khai thác hải sản (mặn, lợ)	Tấn	57,594	71,500	4,830	53,188	74.39	92.35
	Trong đó: - Tôm các loại	"	4,365	6,000	358	4,312	71.86	98.77
	- Cá các loại	"	32,427	40,000	2,648	26,172	65.43	80.71
	- Hải sản khác	"	20,801	25,500	1,825	22,704	89.04	109.15
	+ Khai thác nội đồng (nước ngọt)	Tấn	6,757	7,880	383	5,830	73.99	86.28
	Trong đó: - Tôm các loại	"	554	630	29	640	101.53	115.46
	- Cá các loại	"	1,516	1,850	98	1,555	84.08	102.60
	- Thủy sản khác	"	4,687	5,400	256	3,635	67.32	77.56
	- Sản lượng Nuôi trồng thủy sản	Tấn	134,167	158,200	14,360	127,405	80.53	94.96
	Trong đó: + <i>Vùng mặn lợ</i>	"	70,650	78,500	8,190	71,836	91.51	101.68
	- Tôm sú	"	12,601	12,500	1,177	11,715	93.72	92.97
	- Tôm thẻ chân trắng	"	50,876	56,800	6,234	52,395	92.25	102.99
	- Cua biển	"	6,067	7,000	591	6,046	86.37	99.65
	- Thủy sản khác	"	1,106	2,200	189	1,680	76.36	151.97
	+ Vùng nước ngọt	"	63,517	79,700	6,169	55,570	69.72	87.49
	- Tôm càng xanh	"	1,707	2,400	74	1,099	45.78	64.36
	- Cá lóc	"	42,952	48,300	4,766	39,415	81.60	91.77
	- Cá tra, cá ba sa	"	3,859	6,000	23	4,344	72.40	112.56
	- Cá các loại	"	14,999	23,000	1,307	10,712	46.57	71.42

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 10	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/10	Kế hoạch	Cùng kỳ
2	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	59,469	57,600	1,641	54,608	94.80	91.82
	- Diện tích nuôi mặn, lợ	Ha	56,477	53,400	1,297	51,164	95.81	90.59
	Trong đó: - Nuôi tôm sú	"	24,681	23,000	95	21,792	94.75	88.29
	- Tôm thẻ chân trắng	"	8,547	9,500	339	7,167	75.45	83.86
	- Nuôi cua biển	"	23,000	19,000	864	21,735	114.39	94.50
	- Thủy sản khác	"	250	1,900	-	470	24.74	188.00
	- Diện tích nuôi nước ngọt	Ha	2,992	4,200	344	3,443	81.98	115.09
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm sú</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	22,006		154	19,762		89.80
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	2,098		105	2,232		106.39
	- Diện tích thả nuôi	Ha	24,681		96	21,792		88.29
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	873		57	1,181		135.32
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1,706		18	1,366		80.07
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	155		12	192		123.54
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	9.11		63.19	14.05		154.30
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	19,004		707	17,965		94.53
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	2,944		159	2,475		84.07
	- Diện tích thả nuôi	Ha	8,547		339	7,167		83.86
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	945		66	886		93.78
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	4,941		194	4,560		92.29
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	698		28	544		77.98
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	14.12		14.40	11.93		84.50



Phụ lục số 3. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI THÁNG 10 NĂM 2021

T T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 10	ƯTH 10 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ
A	GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - TTCN (GIÁ 2010)	Tỷ đồng	31,045.631	45,145.000	2,511.056	27,580.151	61.09	88.84
	<i>Trong đó:</i>							
	- Khai khoáng	Tỷ đồng	10.305	13.220	0.961	10.359	78.36	100.52
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	"	12,650.905	16,492.000	862.866	10,882.411	65.99	86.02
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí.	"	18,161.529	28,326.900	1,624.775	16,459.918	58.11	90.63
	- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	"	222.892	312.880	22.454	227.463	72.70	102.05
	Sản phẩm chủ yếu:							
1	Thủy sản đông lạnh	Tấn	5,957	11,500	634	6,227	54.15	104.54
2	Đường kết	Tấn	12,371	15,000		5,951	39.67	48.10
3	Than hoạt tính	Tấn	6,182	7,800	480	7,003	89.78	113.28
4	Thuốc viên các loại	Tr.viên	711	1,002	96	868	86.58	121.96
5	Máy mặc (quần áo các loại)	1000chiếc	4,883	19,488	251	3,359	17.24	68.79
6	Thảm dệt các loại	1000m ²	1,389	2,000	82	1,372	68.59	98.79
7	Nước sinh hoạt	1000m ³	25,473	32,800	2,490	25,741	78.48	101.05
8	Gạo xay xát	Tấn	244,363	749,834	14,049	193,282	25.78	79.10
9	Bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô	1000 bộ	9,252	11,235	505	7,306	65.03	78.97
10	Sản xuất túi xách các loại	1000cái	1,607	3,725	109	2,113	56.72	131.51
11	Giấy thành phẩm	1000 đôi	7,834		26	1,423		18.17
12	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. Kwh	916	1,300	93	938	72.19	102.47
13	Sản lượng điện sản xuất	Tr. Kwh	16,798	26,748	1,478	15,173	56.73	90.33
B	TỶ LỆ HỘ SỬ DỤNG ĐIỆN TRONG TỈNH	%	99.00	99.20		99.24	100.04	100.24
	Phát triển hộ sử dụng điện	Hộ	9,892	1,422	84	3,022	212.52	30.55
C	TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ	Tỷ đồng	28,502.64	36,000.00	1,976.87	27,127.90	75.36	95.18
	Bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng	20,322.62	24,787.44	1,546.70	19,843.17	80.05	97.64
	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	4,400.30	5,820.00	209.08	4,040.82	69.43	91.83
	Du lịch lữ hành	Tỷ đồng	18.23	23.20		13.86	59.76	76.04
	Dịch vụ khác	Tỷ đồng	3,761.48	5,369.36	221.08	3,230.05	60.16	85.87



W